

**ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI  
KHOA LUẬT**

-----

**PHẠM QUANG MINH**

**XÂY DỰNG PHÁP LUẬT TRỢ CẤP NÔNG NGHIỆP  
VIỆT NAM THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA TỔ CHỨC  
THƯƠNG MẠI THẾ GIỚI (WTO)**

**LUẬN ÁN TIẾN SĨ LUẬT HỌC**

**Hà Nội - 2012**

**ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI  
KHOA LUẬT**

-----

**PHẠM QUANG MINH**

**XÂY DỰNG PHÁP LUẬT TRỢ CẤP NÔNG NGHIỆP  
VIỆT NAM THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA TỔ CHỨC  
THƯƠNG MẠI THẾ GIỚI (WTO)**

*Chuyên ngành* : Luật Quốc tế

*Mã số* : 62 38 60 01

**LUẬN ÁN TIẾN SĨ LUẬT HỌC**

*Người hướng dẫn khoa học*: PGS.TS Nguyễn Bá Diển

**Hà nội – 2012**

## **MỤC LỤC**

|  |           |
|--|-----------|
| <b>MỞ ĐẦU .....</b>  | <b>1</b>  |
| 1. Tính cấp thiết .....  | 1         |
| 2. Tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài luận án .....   | 5         |
| 3. Mục tiêu, nhiệm vụ, phạm vi nghiên cứu .....  | 10        |
| 4. Phương pháp nghiên cứu.....   | 11        |
| 5. Những đóng góp mới về khoa học.....   | 13        |
| 6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn .....  | 13        |
| 7. Kết cấu của luận án .....   | 14        |
| <b>Chương 1: NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ XÂY DỰNG PHÁP LUẬT TRỢ CẤP NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM THEO QUY ĐỊNH CỦA TỔ CHỨC THƯƠNG MẠI THẾ GIỚI (WTO) .....</b> | <b>15</b> |
| <b>1.1. LỊCH SỬ RA ĐỜI, HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN CỦA WTO. ....</b>   | <b>15</b> |
| 1.1.1. WTO có nguồn gốc từ sự ra đời của GATT.....   | 15        |
| 1.1.2. Chức năng, nhiệm vụ các nguyên tắc cơ bản của WTO .....   | 18        |
| 1.1.3. Vòng đàm phán Uruguay về nông nghiệp (1986-1994).....   | 21        |
| <b>1.2. KHÁI NIỆM VỀ TRỢ CẤP NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁP LUẬT TRỢ CẤP NÔNG NGHIỆP.....</b>   | <b>25</b> |
| 1.2.1. Khái niệm trợ cấp nông nghiệp .....   | 25        |
| 1.2.2. Vai trò của trợ cấp nông nghiệp.....  | 28        |
| 1.2.3. Các loại hình trợ cấp nông nghiệp .....   | 30        |
| 1.2.4. Khái niệm, vai trò của pháp luật trợ cấp nông nghiệp trong WTO .....  | 39        |
| 1.2.5. Tính tất yếu khách quan của việc xây dựng pháp luật trợ cấp nông nghiệp Việt Nam .....  | 44        |

|   |            |
|---|------------|
| <b>1.3. CAM KẾT CỦA VIỆT NAM VỀ PHÁP LUẬT TRỢ CẤP NÔNG NGHIỆP.....</b>  | <b>49</b>  |
| 1.3.1. Về thuế quan đối với nông sản .....  | 49         |
| 1.3.2. Về trợ cấp nông nghiệp .....   | 50         |
| <b>Chương 2: CÁC QUY ĐỊNH CỦA WTO VÀ PHÁP LUẬT MỘT SỐ NƯỚC VỀ TRỢ CẤP NÔNG NGHIỆP .....</b>   | <b>53</b>  |
| <b>2.1. QUY ĐỊNH CỦA WTO VỀ TRỢ CẤP NÔNG NGHIỆP.....</b>  | <b>53</b>  |
| 2.1.1. GATT 1994.....   | 53         |
| 2.1.2. Hiệp định trợ cấp và các biện pháp đối kháng (SCM) .....   | 55         |
| 2.1.3. Hiệp định nông nghiệp .....  | 57         |
| <b>2.2. PHÁP LUẬT TRỢ CẤP NÔNG NGHIỆP CỦA MỘT SỐ NƯỚC THÀNH VIÊN WTO.....</b>   | <b>66</b>  |
| 2.2.1. Thực trạng áp dụng pháp luật trợ cấp nông nghiệp trong WTO .....   | 66         |
| 2.2.2. Pháp luật trợ cấp nông nghiệp của Hoa Kỳ, EU, Nhật Bản, Trung Quốc và Thái Lan.....  | 74         |
| <b>2.3. CƠ CHẾ GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP VỀ TRỢ CẤP NÔNG NGHIỆP CỦA WTO.....</b>  | <b>104</b> |
| 2.3.1. Quy trình giải quyết các tranh chấp trong nông nghiệp.....   | 106        |
| 2.3.2. Quy định về đối xử đặc biệt và khác biệt đối với các nước đang phát triển trong hệ thống giải quyết tranh chấp của WTO .....                         | 108        |
| 2.3.3. Những ưu điểm của hệ thống giải quyết tranh chấp của WTO.....  | 109        |
| 2.3.4. Những khó khăn đối với thành viên đang phát triển khi tham gia vào hệ thống giải quyết tranh chấp WTO .....  | 110        |
| 2.3.5. Một số vụ việc đã và đang trong quá trình giải quyết tại DSB .....   | 111        |
| <b>Chương 3: THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT TRỢ CẤP NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM, ĐỊNH HƯỚNG, NGUYÊN TẮC CƠ BẢN VÀ GIẢI PHÁP XÂY DỰNG PHÁP LUẬT TRỢ CẤP NÔNG NGHIỆP .....</b> | <b>132</b> |
| <b>3.1. THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT TRỢ CẤP NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM.....</b>  | <b>133</b> |

|   |            |
|---|------------|
| 3.1.1. Pháp luật thuế nhập khẩu đối với hàng nông sản .....   | 133        |
| 3.1.2. Các biện pháp phi thuế .....   | 136        |
| 3.1.3. Hỗ trợ trong nước .....  | 136        |
| 3.1.4. Pháp luật trợ cấp xuất khẩu .....  | 163        |
| <b>3.2. ĐỊNH HƯỚNG, NGUYÊN TẮC CƠ BẢN XÂY DỰNG PHÁP LUẬT TRỢ CẤP NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM TRONG VIỆC THỰC HIỆN CÁC CAM KẾT WTO.....</b> | <b>169</b> |
| 3.2.1. Định hướng .....   | 170        |
| 3.2.2. Một số nguyên tắc cơ bản.....  | 172        |
| <b>3.3. CÁC NỘI DUNG CƠ BẢN TRONG VIỆC XÂY DỰNG PHÁP LUẬT TRỢ CẤP NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM .....</b>                                    | <b>177</b> |
| 3.3.1. Về pháp luật thuế nhập khẩu .....  | 177        |
| 3.3.2. Về các biện pháp phi thuế .....  | 178        |
| 3.3.3. Về hỗ trợ trong nước .....   | 181        |
| 3.3.4. Về trợ cấp xuất khẩu .....   | 182        |
| <b>3.4. XÂY DỰNG LUẬT TRỢ CẤP NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM .....</b>  | <b>183</b> |
| 3.4.1. Cơ chế vận hành xây dựng luật chuyên biệt về trợ cấp .....   | 183        |
| 3.4.2. Một số vấn đề cơ bản về xây dựng Luật trợ cấp nông nghiệp Việt Nam .....   | 184        |
| <b>3.4.3. Đề xuất dự thảo Luật trợ cấp nông nghiệp Việt Nam .....</b>   | <b>193</b> |
| <b>KẾT LUẬN .....</b>   | <b>207</b> |
| <b>DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO.....</b>   | <b>210</b> |

## MỞ ĐẦU

### 1. Tính cấp thiết

Ngày 05 tháng 08 năm 2008, Ban Chấp hành Trung ương đã ban hành Nghị quyết số 26/NQ-TW về nông nghiệp, nông dân, nông thôn qua đó đã khẳng định quan điểm phát triển nông nghiệp, nông thôn và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nông dân phải dựa trên cơ chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Nghị quyết chỉ rõ một số hạn chế yếu kém như nhận thức về vị trí, vai trò của nông nghiệp, nông dân, nông thôn còn bất cập so với thực tiễn, chưa hình thành một cách có hệ thống các quan điểm lý luận về phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn; cơ chế, chính sách phát triển các lĩnh vực này thiếu đồng bộ, thiếu tính đột phá; một số chủ trương, chính sách không hợp lý, thiếu tính khả thi nhưng chậm được điều chỉnh, bổ sung kịp thời. Đề tài luận án được xây dựng nhằm xây dựng được một hệ thống cơ sở lý luận về pháp luật trợ cấp và hỗ trợ nông nghiệp đáp ứng được các đòi hỏi của lý luận và thực tiễn đặt ra.

Để thực hiện được Hiệp định nông nghiệp, Hiệp định trợ cấp và các biện pháp đối kháng cũng như các quy định liên quan đến trợ cấp và hỗ trợ nông nghiệp trong WTO, một nghiên cứu về xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam về trợ cấp và hỗ trợ nông nghiệp là một đòi hỏi hết sức cấp thiết.

### 2. Tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài luận án

Hiện tại trong nước đã có những nghiên cứu liên quan đến Hiệp định nông nghiệp, Hiệp định về trợ cấp và các biện pháp đối kháng. Tuy nhiên, các nội dung chủ yếu diễn giải với mục đích tìm hiểu về áp dụng thực hiện các Hiệp định này. Tại quốc tế, đã có những nghiên cứu về trợ cấp trong WTO, đặc biệt tại Hoa Kỳ và đưa ra những giải pháp xây dựng pháp luật về nông nghiệp cho quốc gia này.

Chưa có một nghiên cứu tổng thể nào tại Việt Nam về xây dựng pháp luật trợ cấp nông nghiệp của Việt Nam theo các quy định của WTO và đưa ra mô hình Luật trợ cấp nông nghiệp Việt Nam.

### 3. Mục tiêu, nhiệm vụ, phạm vi nghiên cứu

#### *Mục tiêu của luận án*

Trước những yêu cầu của công tác nghiên cứu lý luận và thực tiễn khoa học pháp lý, luận án hướng tới mục tiêu:

1. Đưa ra các luận cứ khoa học về việc xây dựng và hoàn thiện pháp luật Việt Nam về trợ cấp và hỗ trợ nông nghiệp.
2. Đưa ra các giải pháp đề xuất nhằm thực thi đầy đủ các cam kết của Việt Nam về trợ cấp và hỗ trợ nông nghiệp trong khuôn khổ của WTO.
3. Hỗ trợ hiệu quả tiến trình hội nhập quốc tế của Việt Nam trong lĩnh vực nông nghiệp.

#### *Phạm vi nghiên cứu*

- Các nội dung cơ bản trong chính sách pháp luật trợ cấp và hỗ trợ nông nghiệp của WTO;
- Kinh nghiệm của một số quốc gia trên thế giới về xây dựng chính sách hỗ trợ , trợ cấp nông nghiệp theo Hiệp định nông nghiệp.
- Chính sách, pháp luật nông nghiệp của Việt Nam trong thực tiễn, áp dụng các quy định về hỗ trợ và trợ cấp, giải pháp hoàn thiện pháp luật về trợ cấp nông nghiệp. Đề xuất xây dựng một khung luật dự thảo về trợ cấp nông nghiệp.

### 4. Phương pháp nghiên cứu

Luận án được thực hiện theo các phương pháp thống kê , tổng hợp và phân tích, trên cơ sở đó rút ra các kết luận khoa học đối với từng nội dung liên quan.

### 5. Những đóng góp mới về khoa học của Luận án

Luận án làm sáng tỏ vai trò không thể thiếu của trợ cấp nông nghiệp của các quốc gia đối với các vấn đề về phát triển kinh tế, chính trị và xã hội.

a. Luận án góp phần làm sáng tỏ vai trò không thể thiếu của trợ cấp nông nghiệp đối với các vấn đề về phát triển kinh tế, chính trị và xã hội của các quốc gia trong đó có Việt Nam.

b. Trên cơ sở lý luận chung về pháp luật quốc tế, luận án góp phần nêu bật các nội dung cơ bản về trợ cấp nông nghiệp theo quy định của Hiệp định nông nghiệp, GATT 1994, Hiệp định về trợ cấp và các biện pháp đối kháng, đồng thời nghiên cứu, tìm hiểu các chính sách hỗ trợ nông nghiệp của Việt Nam trong giai đoạn trước và sau khi gia nhập WTO.

c. Luận án đề xuất các cơ sở lý luận nhằm xây dựng và hoàn thiện pháp luật Việt Nam về trợ cấp nông nghiệp và một dự thảo Luật trợ cấp nông nghiệp Việt Nam.

## **6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận án**

Những kết quả nghiên cứu của luận án sẽ góp phần bổ sung quan trọng vào lĩnh vực lý luận về phát triển nông nghiệp, nông thôn, nâng cao nhận thức của các cơ quan làm luật, chính sách trợ cấp và hỗ trợ nông nghiệp từ trung ương tới địa phương.

## **7. Kết cấu của luận án**

Ngoài phần mở đầu, kết luận và danh mục tài liệu tham khảo, nội dung của luận án gồm 03 Chương:

*Chương 1: Cơ sở lý luận về xây dựng pháp luật trợ cấp nông nghiệp Việt Nam theo quy định của Tổ chức thương mại thế giới (WTO).*

*Chương 2: Các quy định của WTO và pháp luật nước ngoài về trợ cấp nông nghiệp.*

*Chương 3: Thực trạng pháp luật trợ cấp nông nghiệp Việt Nam, định hướng, nguyên tắc cơ bản và giải pháp xây dựng pháp luật trợ cấp nông nghiệp.*

# CÁC NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA LUẬN ÁN

## CHƯƠNG 1

### NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ XÂY DỰNG PHÁP LUẬT TRỢ CẤP NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM THEO QUY ĐỊNH CỦA TỔ CHỨC THƯƠNG MẠI THẾ GIỚI (WTO)

#### 1.1. LỊCH SỬ RA ĐỜI, HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN CỦA WTO

##### 1.1.1. WTO có nguồn gốc từ sự ra đời của GATT

Năm 1947, 23 nước tại Liên hợp quốc đã quyết định cùng đàm phán để cắt giảm hàng rào thuế quan nhằm nhanh chóng thúc đẩy tự do hoá mậu dịch và điều chỉnh lại những biện pháp bảo hộ được duy trì từ đầu những năm 1930. Kết quả của vòng đàm phán này là hơn 45.000 cam kết về thuế quan ảnh hưởng đến thương mại trị giá 10 tỷ USD, tức là gần 1/5 tổng thương mại trên toàn thế giới vào thời điểm bấy giờ đã được thống nhất và thực hiện. Tổng hợp những quy định và cam kết đã thoả thuận này được đưa vào một văn kiện pháp lý quốc tế có giá trị ràng buộc đối với các nước. Văn kiện pháp lý đó chính là Hiệp định chung về thuế quan và thương mại (GATT). GATT đã được 23 nước chính thức ký vào ngày 23/10/1947 và có hiệu lực vào ngày 1/1/1948. 23 nước ký GATT sau này đã trở thành những thành viên sáng lập của WTO.

#### 1.2. KHÁI NIỆM VỀ TRỢ CẤP NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁP LUẬT VỀ TRỢ CẤP NÔNG NGHIỆP

##### 1.2.1. Khái niệm về trợ cấp nông nghiệp

###### a. Khái niệm về nông nghiệp

Theo giáo trình Kinh tế nông nghiệp, đại học Kinh tế quốc dân:

*“Nông nghiệp là một trong những ngành kinh tế quan trọng và phức tạp, nó không chỉ là một ngành kinh tế đơn thuần mà còn là hệ thống sinh học, kỹ thuật. Nông nghiệp nếu hiểu theo nghĩa hẹp chỉ có ngành trồng trọt, ngành chăn nuôi và ngành dịch vụ trong nông nghiệp, còn nếu hiểu theo nghĩa rộng bao gồm cả ngành nông nghiệp, ngành lâm nghiệp và ngành thủy sản”.*

Tại từ điển Black’s Law Dictionary – tái bản lần thứ 8 do Bryan A Garner chủ biên có định nghĩa về nông nghiệp như sau:

*“Nông nghiệp là một khoa học, về các lĩnh vực liên quan đến đất canh tác, thu hoạch vụ mùa, chăn nuôi và trồng trọt.”*

Phản định nghĩa này tương đối ngắn gọn, tuy nhiên nội hàm của từng lĩnh vực (canh tác, thu hoạch, chăn nuôi và trồng trọt) lại tương đối rộng.

Trong WTO, Hiệp định nông nghiệp không đưa ra khái niệm cụ thể về nông nghiệp.

###### b. Khái niệm về trợ cấp nông nghiệp

Trên cơ sở lý luận và thực tế, tác giả đã tổng hợp đề xuất khái niệm về trợ cấp nông nghiệp như sau: “Trợ cấp nông nghiệp là những lợi ích mà chính phủ đem lại cho một đối tượng nhất định và được lượng hóa về mặt tài chính trong lĩnh vực nông nghiệp. Trợ cấp nông nghiệp gồm hai nhóm chính là hỗ trợ trong nước và trợ cấp xuất khẩu. Đối tượng hưởng trợ cấp có thể là nông dân, doanh nghiệp, các viện, trường và trung tâm nghiên cứu nông nghiệp và phát triển nông thôn. Trợ cấp có thể được thực hiện bằng nhiều hình thức như tiền mặt, hỗ trợ xây dựng cơ sở hạ tầng và phương tiện sản xuất”.

##### 1.2.2. Vai trò của trợ cấp nông nghiệp

Trợ cấp nông nghiệp có vai trò đặc biệt quan trọng đối với sự phát triển ngành nông nghiệp của bất cứ quốc gia nào trên thế giới. Các quốc gia đang phát triển, phát triển cũng như các quốc gia kém phát triển đều sử dụng trợ cấp nông nghiệp như một công cụ nhằm bảo vệ ngành nông nghiệp khỏi các “tổn thương” có thể phát sinh trong thương mại quốc tế cũng như các biến động khác.



Ở cấp độ quốc gia, trợ cấp nông nghiệp có vai trò đặc biệt quan trọng đối với sự phát triển ngành nông nghiệp của bất cứ nước nào trên thế giới. Để phát triển bất cứ ngành nào trong hệ thống nông nghiệp (trồng trọt hoặc chăn nuôi...), các nước thường xác định các chính sách hỗ trợ ưu tiên, ví dụ như tại Hoa Kỳ, khi chính phủ Hoa Kỳ muốn tập trung phát triển ngành trồng bông, hàng tỷ đô la đã được chi cho nông dân nhằm hỗ trợ mua giống, phát triển công nghệ gen, hỗ trợ trang thiết bị về gieo trồng, áp dụng khoa học công nghệ với mục đích cho ra các sản phẩm bông tốt nhất, sau đó là các chính sách hỗ trợ thương mại nhằm đem sản phẩm bông tới người tiêu dùng từ khâu sản xuất, vận chuyển đến thương mại.

Còn ở cấp độ quốc tế, nhất là thương mại quốc tế trong hệ thống WTO, trợ cấp nông nghiệp có vai trò đặc biệt quan trọng. Các quốc gia đang phát triển, phát triển cũng như các quốc gia kém phát triển đều sử dụng trợ cấp nông nghiệp như một công cụ nhằm bảo vệ ngành nông nghiệp khỏi các “tổn thương” có thể phát sinh trong thương mại quốc tế. Đó là sự xâm nhập của các loại sản phẩm nông nghiệp từ nước ngoài vào trong nước làm ảnh hưởng đến sản xuất và thương mại của quốc gia có sản phẩm nhập khẩu. Trong trường hợp này trợ cấp nông nghiệp có vai trò nâng cao khả năng cạnh tranh của sản phẩm trong nước so với sản phẩm được nhập khẩu.

### **1.2.3. Các loại hình trợ cấp nông nghiệp**

Căn cứ vào Hiệp định Nông nghiệp, Hiệp định trợ cấp và các biện pháp đối kháng, có thể thấy trợ cấp nông nghiệp được chia làm 03 loại hình chính gồm: trợ cấp không thể đối kháng, trợ cấp có thể đối kháng và trợ cấp bị cấm.

### **1.2.4. Khái niệm, vai trò của pháp luật trợ cấp nông nghiệp trong WTO**

#### ***Khái niệm pháp luật về trợ cấp nông nghiệp***

Trên phương diện quốc tế, pháp luật về trợ cấp nông nghiệp là tổng thể các quy định pháp lý về trợ cấp và hỗ trợ nông nghiệp được các chủ thể quốc tế (chủ yếu là các quốc gia, các tổ chức quốc tế) xây dựng và có tính bắt buộc chung. Các quy định này điều chỉnh các vấn đề liên quan đến nông nghiệp, gồm các quá trình sản xuất, từ làm đất, gieo trồng, thu hoạch, thương mại (đối với các sản phẩm trồng trọt) và chăn nuôi. Pháp luật về trợ cấp nông nghiệp cũng điều chỉnh các vấn đề liên quan đến nông nghiệp khác như khoa học kỹ thuật nông nghiệp, khuyến nông, an ninh lương thực, các bên liên quan đến sản xuất, kinh doanh. Pháp luật về trợ cấp nông nghiệp hướng tới mục tiêu hình thành môi trường sản xuất kinh doanh bình đẳng đối với các giao dịch thương mại quốc tế.

Trên phương diện quốc gia, pháp luật về trợ cấp nông nghiệp là tổng thể các chính sách và quy phạm pháp luật điều chỉnh các hoạt động về trợ cấp và hỗ trợ nông nghiệp mà nhà nước xây dựng hướng tới bảo vệ các lợi ích của ngành nông nghiệp vì các mục tiêu như: tăng năng suất cây trồng, vật nuôi, tăng đầu tư xã hội vào ngành nông nghiệp, bảo vệ ngành nông nghiệp trước các khó khăn khách quan và chủ quan do biến đổi khí hậu, môi trường kinh doanh và do cạnh tranh quốc tế đem lại.

Một cách tổng quát: Pháp luật trợ cấp nông nghiệp là tổng thể các văn bản pháp lý quốc tế cũng như các chính sách, quy phạm pháp luật quốc gia nhằm điều chỉnh các vấn đề liên quan đến nông nghiệp. Các văn bản pháp lý quốc tế, các chính sách và các quy phạm pháp luật này bổ sung và hỗ trợ nhau trong các vấn đề liên quan đến sản xuất, thương mại và các vấn đề liên quan đến nông nghiệp khác nhằm mục đích xây dựng một nền nông nghiệp quốc tế và quốc gia hiện đại, bình đẳng, cạnh tranh cũng như bổ sung lẫn nhau vì sự phát triển chung của xã hội nói chung cũng như hợp tác quốc tế nói riêng.

#### ***Vai trò của pháp luật về trợ cấp nông nghiệp***

Pháp luật trợ cấp nông nghiệp là cơ sở để hoàn thiện và phát triển hệ thống tổ chức thương mại của WTO. Pháp luật về trợ cấp nông nghiệp đảm bảo cho việc thực hiện có hiệu quả chức năng tổ chức, xây dựng và thực hiện các chính sách hỗ trợ và trợ cấp nông nghiệp của các quốc gia thành viên WTO. Pháp luật về trợ cấp nông nghiệp đảm bảo công bằng trong sản xuất và thương mại nông nghiệp của các quốc gia.

### **1.2.5 Tính tất yếu, khách quan của việc xây dựng pháp luật trợ cấp nông nghiệp Việt Nam**

Các chính sách, quy định pháp luật về trợ cấp trong WTO đã được các quốc gia thành viên đàm phán, thỏa thuận và xây dựng có chọn lọc trên cơ sở lợi ích tương quan giữa các thành viên. Việc xây dựng và áp dụng pháp luật trợ cấp và hỗ trợ nông nghiệp luôn cần được áp dụng một cách thống nhất trên phạm vi toàn cầu.

### *Tính cấp thiết của việc xây dựng Luật trợ cấp nông nghiệp tại Việt Nam*

Việt Nam đã chính thức trở thành thành viên của WTO, tham gia vào tổ chức này, Việt Nam được hưởng tất cả những quyền thành viên nói chung và các quyền được dành cho các nước đang phát triển nói riêng. Bên cạnh việc được hưởng các quyền lợi này, Việt Nam cũng có nghĩa vụ phải thực hiện các cam kết quốc tế của mình. Một trong những nguyên tắc của Luật quốc tế mà Việt Nam theo đuổi đó là nguyên tắc tận tâm, thiện chí thực hiện cam kết quốc tế (*Pacta sunt servanda*), việc nghiên cứu xây dựng một Luật chuyên về trợ cấp nông nghiệp là một trong những minh chứng Việt Nam tuân thủ các nguyên tắc của Luật quốc tế, tiếp thu được những giá trị tinh hoa pháp luật quốc tế và thành quả đàm phán nhiều năm giữa các thành viên WTO, đồng thời xây dựng khung pháp lý cho các hoạt động trợ cấp nông nghiệp của Việt Nam trong bối cảnh chưa có một khuôn khổ pháp lý rõ ràng hướng dẫn các hoạt động xây dựng chính sách pháp luật về trợ cấp và hỗ trợ nông nghiệp.

Việt Nam chưa có một đạo luật nào quy định các vấn đề về việc xây dựng các chính sách trợ cấp và hỗ trợ nông nghiệp theo các cam kết trong WTO, việc xây dựng luật trợ cấp nông nghiệp sẽ là hành động đầu tiên từ phía Chính phủ Việt Nam thực hiện cam kết của mình, là ban hành một đạo luật thực hiện các cam kết về trợ cấp nông nghiệp sau hơn 05 năm gia nhập tổ chức này.

### **1.3. CAM KẾT CỦA VIỆT NAM VỀ PHÁP LUẬT TRỢ CẤP NÔNG NGHIỆP**

Việt Nam cam kết bảo hộ thị trường bằng các biện pháp thuế quan thay vì các biện pháp phi thuế quan (các biện pháp định lượng, phụ thu...). Việt Nam cam kết rằng sẽ áp dụng trợ cấp đối với hàng nông sản phù hợp với các quy định của WTO, với cam kết này có thể hiểu Việt Nam sẽ thực hiện các quy định liên quan đến trợ cấp nông nghiệp tại GATT 1994-Điều XVI Trợ cấp, Hiệp định Trợ cấp và các biện pháp đối kháng và Hiệp định nông nghiệp.

## **Chương 2**

### **CÁC QUY ĐỊNH WTO VÀ PHÁP LUẬT MỘT SỐ NƯỚC VỀ TRỢ CẤP NÔNG NGHIỆP**

#### **2.1. QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT CỦA WTO VỀ TRỢ CẤP NÔNG NGHIỆP**

##### **2.1.1. GATT 1994**

Theo quy định của GATT 1994, mọi hình thức hỗ trợ thu nhập hay trợ giá, trực tiếp hoặc gián tiếp có tác động làm tăng xuất khẩu một sản phẩm từ lãnh thổ của bên ký kết đó hay làm giảm nhập khẩu vào lãnh thổ của mình đều cần phải thông báo cho các thành viên WTO, việc trợ cấp cho xuất khẩu là hoàn toàn không được phép áp dụng, trừ khi có các quy định chuyên ngành cho phép các nước được xây dựng các quy định về trợ cấp xuất khẩu.

##### **2.1.2. Hiệp định trợ cấp và các biện pháp đối kháng**

Có thể thấy rằng Hiệp định SCM đã đưa ra rất nhiều các nội dung về các biện pháp trợ cấp có thể là đối tượng bị cấm và nếu như chứng minh khả năng gây hại đến hàng nhập khẩu của các nước thành viên, các quy định này sẽ là đối tượng để các nước thành viên áp dụng các biện pháp đối kháng. Tuy nhiên, rất nhiều các quy định trong Hiệp định này đã loại trừ các sản phẩm nông nghiệp theo các quy định của Hiệp định nông nghiệp.

##### **2.1.3. Hiệp định nông nghiệp**

Hiệp định nông nghiệp đóng vai trò quan trọng trong việc xây dựng các chính sách trợ cấp và hỗ trợ nông nghiệp, đây là hiệp định quy định toàn diện các chính sách hỗ trợ và trợ cấp mà các quốc gia thành viên phải tuân thủ và thực hiện khi xây dựng chính sách nông nghiệp của mình.

#### **2.2. PHÁP LUẬT TRỢ CẤP NÔNG NGHIỆP CỦA MỘT SỐ NƯỚC THÀNH VIÊN WTO**

Hiệp định nông nghiệp là văn bản chính để các nước quốc gia xây dựng chính sách trợ cấp và hỗ trợ nông nghiệp. Hiệp định SCM và GATT 1994 không điều chỉnh trực tiếp việc xây dựng các chính sách pháp luật về trợ cấp và hỗ trợ nông nghiệp mà tập trung vào các vấn đề chế tài áp dụng cho các trợ cấp bị cấm, hoặc các trợ cấp gây tổn hại đến các mặt hàng xuất khẩu của nước thành viên.

## **2.2.1. Thực trạng áp dụng pháp luật trợ cấp nông nghiệp trong WTO**

### **2.2.1.1. Tiếp cận thị trường**

Một trong các biện pháp mà các nước thường sử dụng để chuyển các hàng rào phi thuế là sử dụng nguyên tắc chênh lệch giá: lấy giá của mặt hàng được bảo hộ trừ đi giá của mặt hàng ấy nhưng trong điều kiện không có bảo hộ.

### **2.2.1.2. Hỗ trợ trong nước**

Theo các thông tin có được từ Ban thư ký nông nghiệp WTO, trong những năm gần đây tổng trợ cấp tính gộp giảm, nhưng trợ cấp trong nước cho một số sản phẩm cụ thể tăng. Tính đến tháng 4 năm 2009, 60 nước trong tổng số 153 nước thành viên có cam kết cắt giảm đối với tổng hỗ trợ tính gộp.

### **2.2.1.3. Trợ cấp xuất khẩu**

Theo nghiên cứu của tác giả, trong số 153 nước thành viên của WTO, 35 nước đã cam kết về mức trợ cấp xuất khẩu đối với 428 nhóm sản phẩm.

## **2.2.2. Pháp luật trợ cấp và hỗ trợ nông nghiệp của Hoa Kỳ, EU, Nhật Bản, Trung Quốc**

### **A. Hoa Kỳ**

Theo báo cáo về trợ cấp nông nghiệp của Hoa Kỳ vào tháng 6 năm 2009, Bộ Nông nghiệp Hoa Kỳ hàng năm trợ cấp từ 10 – 30 tỷ USD bằng chi trả trực tiếp bằng tiền mặt cho người nông dân và chủ trang trại hàng năm. Số tiền trợ cấp này thường dựa vào giá cả thị trường cho các loại nông sản, mức độ ảnh hưởng thiên tai và một số yếu tố khác. Hơn 90% lượng trợ cấp nông nghiệp tới nông dân rơi vào 05 nông sản chính là: Lúa mỳ, ngô, đậu tương, gạo và bông. Hơn 800 ngàn nông dân và chủ sở hữu trang trại đã nhận được các khoản trợ cấp này. Bên cạnh các khoản trợ cấp bằng tiền mặt Bộ Nông nghiệp Hoa Kỳ cũng áp dụng trợ cấp về bảo hiểm mùa màng, trợ cấp Marketing và một số dịch vụ khác. Các loại trợ cấp gián tiếp cho nông nghiệp nhiều năm lên đến 5 tỷ USD, làm tăng thêm tổng trợ cấp cả trực tiếp và gián tiếp lên đến 30-35 tỷ USD hàng năm.

### **B. Nhật Bản**

Nông nghiệp Nhật Bản được bảo hộ mạnh mẽ và giá nông sản thực phẩm ở nước này cao hơn hẳn so với các nước khác như Hoa Kỳ và cộng đồng châu Âu. Chính phủ Nhật Bản đã dùng nhiều chính sách biện pháp để trợ cấp sản xuất bảo hộ thương mại hàng nông sản, đặc biệt là lúa gạo. Mức độ bảo hộ nông nghiệp Nhật Bản đã tăng lên trong suốt ba bốn thập niên qua. Mặc dù được bảo hộ, nhưng Nhật Bản đã trở thành một trong những nước nhập khẩu nông sản nhiều nhất thế giới.

### **C. Liên minh châu Âu (EU)**

An ninh lương thực, bảo đảm sản xuất nông nghiệp ổn định luôn là mối quan tâm chung trên toàn thế giới, chính điều này đã khiến liên minh châu Âu xây dựng một thị trường nông nghiệp thống nhất vào đầu năm 1962 bắt đầu từ việc xây dựng Chính sách nông nghiệp chung (CAP). Vào năm 2010, EU đã chi tiêu 57 tỷ ECU vào phát triển nông nghiệp, trong đó 37 tỷ ECU được sử dụng cho trợ cấp trực tiếp. Con số này là rất lớn và được Liên minh châu Âu vận dụng một cách linh hoạt trong chính sách "hộp xanh lá cây" của Hiệp định nông nghiệp.

### **D. Trung Quốc**

Sau 16 năm đàm phán, ngày 11/12/2002, Trung Quốc đã chính thức trở thành thành viên của WTO. Khi trở thành thành viên của WTO Trung Quốc cam kết thực hiện những nội dung của Hiệp định nông nghiệp và các hiệp định liên quan nhằm xây dựng một pháp luật trợ cấp phù hợp.

## **2.3. CƠ CHẾ GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP VỀ TRỢ CẤP NÔNG NGHIỆP CỦA WTO**

### **2.3.1. Quy trình giải quyết tranh chấp trong nông nghiệp**

Khi có phát sinh tranh chấp, nước khiếu nại sẽ thông báo vấn đề với nước bị khiếu nại và đề nghị tổ chức các tham vấn để tìm ra cách giải quyết. Tại thời điểm này, đề nghị tham vấn phải được thông báo cho DSB biết. Trong vòng 10 ngày, nước bị khiếu kiện sẽ phải trả lời đề nghị tham vấn và hai bên bắt đầu quá trình tham vấn trong khoảng thời gian không quá 30 ngày kể từ ngày bên khiếu kiện nhận được đề nghị tham vấn.

### **2.3.2. Quy định về đối xử đặc biệt và khác biệt đối với các nước đang phát triển trong hệ thống giải quyết tranh chấp của WTO**

*Hỗ trợ về mặt pháp lý:* Theo quy định Ban Thư ký WTO có 01 chuyên gia chuyên trách và 02 tư vấn gia độc lập làm việc bán chuyên trách để thực hiện việc tư vấn và hỗ trợ pháp lý cho các nước thành viên đang phát triển trên nguyên tắc tôn trọng tính trung lập, khách quan. Đồng thời, Ban Thư ký cũng tiến hành tổ chức các khoá đào tạo đặc biệt về hệ thống giải quyết tranh chấp cho các nước thành viên.

### **2.3.3. Những ưu điểm của hệ thống giải quyết tranh chấp của WTO**

Bảo đảm quyền và nghĩa vụ các quốc gia thành viên, Giải quyết tranh chấp nhanh chóng, làm rõ các quyền và nghĩa vụ của mỗi quốc gia thành viên WTO và đảm bảo sự an toàn và có tính dự báo.

### **2.3.4. Một số vụ việc đã và đang trong quá trình giải quyết tại DSB**

Trường hợp 1-DS357. Trợ cấp và hỗ trợ đối với ngô và một số sản phẩm nông sản. (Giữa Canada và Hoa Kỳ),

Trường hợp 2- DS388. Các khoản trợ cấp, Vay ưu đãi và các biện pháp khuyến khích khác. (Giữa Mexico và Trung Quốc)

## **Chương 3**

# **THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT TRỢ CẤP NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM, ĐỊNH HƯỚNG, NGUYÊN TẮC CƠ BẢN VÀ GIẢI PHÁP XÂY DỰNG PHÁP LUẬT TRỢ CẤP NÔNG NGHIỆP**

### **3.1. THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT TRỢ CẤP NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM**

#### **3.1.1. Pháp luật thuế nhập khẩu đối với hàng nông sản.**

Hàng nông sản có 836 dòng thuế nhập khẩu, chiếm 13,3% tổng số dòng thuế trong biểu thuế, với 12 mức thuế từ 0%-100%. Thuế xuất thuế nhập khẩu bình quân nếu tính cả các dòng thuế 0% là 24%, nếu trừ các dòng thuế 0% là 28%.

#### **3.1.2. Các biện pháp phi thuế**

Việt Nam đang sử dụng nhiều biện pháp phi thuế khác nhau như hạn ngạch thuế quan với các sản phẩm là đường, thuốc lá lá, trứng gia cầm và muối...

#### **3.1.3. Hỗ trợ trong nước**

Từ năm 2007 đến nay, các chính sách hỗ trợ trong nước cho nông nghiệp đã và đang có sự chuyển đổi theo hướng phù hợp hơn với quy định của WTO và thúc đẩy nâng cao năng lực cạnh tranh của hàng hoá nông lâm sản, giảm đáng kể sự can thiệp của Chính phủ vào thị trường.

##### **3.1.3.1. Hỗ trợ trong nhóm hộp hỗ phách**

Trong những năm vừa qua, nhờ giá cả thị trường thế giới và trong nước có nhiều thuận lợi, Việt Nam đã có nhiều tiến bộ trong việc giảm đáng kể sự can thiệp vào thị trường nông sản trong nước thông qua nhóm chính sách này.

##### **3.1.3.2. Hỗ trợ dạng hộp xanh lá cây**

Trước và trong giai đoạn 2007-2010, việc áp dụng các chính sách hỗ trợ thuộc hộp xanh của Việt Nam có xu hướng tăng lên đáng kể.

##### **3.1.3.3. Hỗ trợ dạng hộp xanh lơ**

Chính sách trong nhóm hộp xanh lơ chủ yếu là những chi trả trực tiếp cho nông dân nhằm hạn chế sản xuất nông nghiệp.

#### **3.1.4. Pháp luật trợ cấp xuất khẩu**

Tại phiên đàm phán thứ 9 để gia nhập WTO, Việt Nam đã cam kết không trợ cấp xuất khẩu nông nghiệp ngay khi gia nhập WTO.

### **3.2. ĐỊNH HƯỚNG, NGUYÊN TẮC CƠ BẢN XÂY DỰNG PHÁP LUẬT TRỢ CẤP NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM TRONG VIỆC THỰC HIỆN CÁC CAM KẾT WTO**

#### **3.2.1. Định hướng**

Xây dựng, rà soát hệ thống pháp luật nông nghiệp theo hướng tập trung, phù hợp với các tiêu chuẩn quốc tế. Hình thành môi trường pháp luật thương mại nông sản theo chế độ đối xử tối huệ quốc và đối xử quốc gia, tăng cường tính cạnh tranh và cạnh tranh bình đẳng trong nông nghiệp.

#### **3.2.2. Một số nguyên tắc cơ bản**

Minh bạch hóa hệ thống pháp luật nông nghiệp;

Nguyên tắc xây dựng pháp luật phù hợp với cam kết quốc tế của Việt Nam về trợ cấp nông nghiệp.

Nguyên tắc trợ cấp phải bảo hộ sản xuất nông nghiệp trong nước.

### **3.3. CÁC NỘI DUNG CƠ BẢN TRONG VIỆC XÂY DỰNG PHÁP LUẬT TRỢ CẤP NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM**

#### **3.3.1. Về pháp luật thuế nhập khẩu**

Chủ trương của nhà nước là bảo hộ chọn lọc và có thời hạn đối với các ngành hàng. Dựa vào sự phân loại khả năng cạnh tranh của các ngành hàng để xây dựng cấp độ bảo hộ, ngành nông nghiệp cần xác định cấp độ bảo hộ cho từng nhóm hàng theo 03 mức, bảo hộ thấp, bảo hộ trung bình và bảo hộ cao.

### 3.3.2. Về các biện pháp phi thuế

Sử dụng các biện pháp phi thuế để bảo hộ sản xuất nông nghiệp là một thực tế thường thấy ở tất cả các quốc gia trên thế giới kể các nước có nền kinh tế phát triển.

### 3.3.3. Về hỗ trợ trong nước

*Nhóm Hộp xanh da trời (Green box):* Tăng cường đầu tư của nhà nước và nông nghiệp thông qua nhóm chính sách này,

*Nhóm Hộp xanh lơ (Blue box):* Mở rộng hơn nữa diện đối tượng được hưởng sự ưu đãi, mức độ ưu đãi về đầu tư, nhất là đầu tư đổi mới thiết bị, công nghệ chế biến và bảo quản nông sản.

### 3.3.4. Về trợ cấp xuất khẩu

Hỗ trợ xuất khẩu dưới 02 hình thức trợ cấp mà các nước đang phát triển được phép áp dụng: trợ cước phí vận tải trong nước và quốc tế, chi phí tiếp thị bao gồm tái chế, bao gói...

## 3.4. XÂY DỰNG LUẬT TRỢ CẤP NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

### 3.4.1. Cơ chế vận hành xây dựng luật chuyên biệt về trợ cấp

Thứ nhất: Hoạt động xây dựng pháp luật Việt Nam về trợ cấp nông nghiệp cần tuân theo các quan điểm chỉ đạo chung của Nhà nước trong “Chiến lược phát triển kinh tế xã hội giai đoạn 2010-2020” và chủ trương phát triển nông nghiệp nông thôn giai đoạn 2010-2020 và tầm nhìn đến năm 2030.

Thứ hai: Việc xây dựng khung pháp luật Việt Nam về trợ cấp cần tuân thủ các nguyên tắc về xây dựng pháp luật nói chung và các quy định của tổ chức thương mại thế giới (WTO) nói riêng.

### 3.4.2. Một số vấn đề cơ bản về xây dựng luật trợ cấp nông nghiệp Việt Nam

#### 3.4.2.1. Vị trí, vai trò và cấu trúc khung của Luật

#### a. Luật về trợ cấp nông nghiệp trong hệ thống các văn bản pháp luật Việt Nam

Tính độc lập tương đối của Luật trợ cấp nông nghiệp trong hệ thống các quy định về ngành nông nghiệp Việt Nam: Luật chuyên biệt về các hoạt động trợ cấp nông nghiệp Việt Nam có tính độc lập tương đối với các văn bản pháp luật khác trong hệ thống văn bản pháp luật Việt Nam; có đối tượng điều chỉnh, phạm vi điều chỉnh riêng và có những nguyên tắc mang tính đặc thù.

#### b. Phạm vi điều chỉnh

Phạm vi điều chỉnh của Luật trợ cấp nông nghiệp không chỉ bao trùm lên các hoạt động của các chủ thể tham gia vào sản xuất nông nghiệp có tính rủi ro mà còn đặt nền móng cho việc xây dựng một cơ chế liên quan đến bảo hiểm nông nghiệp.

#### 3.4.2.2. Nguyên tắc chỉ đạo cho luật chuyên biệt về hoạt động trợ cấp nông nghiệp của Việt Nam

Thứ nhất, đảm bảo nguyên tắc minh bạch và có tính dự đoán trước theo các nguyên tắc của Hiệp định nông nghiệp;

Thứ hai, thể chế hóa các chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, bảo vệ tối đa lợi ích của của quốc gia trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế;

Thứ ba, cụ thể hóa các chính sách trợ cấp được phép quy định trong Hiệp định nông nghiệp;

Thứ tư, tạo cơ chế pháp lý phù hợp nhất để khuyến khích, thúc đẩy các hoạt động sản xuất nông nghiệp gắn liền với thị trường tiêu thụ nông sản hàng hóa;

Thứ năm, tạo hành lang pháp lý thúc đẩy hoạt động hợp tác quốc tế trong các hoạt động nghiên cứu, chuyển giao công nghệ nhằm nâng cao năng suất, chất lượng của hàng hóa nông sản của Việt Nam.

### **3.4.2.3. Mối quan hệ của Luật trợ cấp nông nghiệp đối với các văn bản pháp luật khác trong hệ thống pháp luật Việt Nam**

- Mối quan hệ giữa Luật trợ cấp nông nghiệp với Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam 1992.

- Mối quan hệ giữa Luật trợ cấp nông nghiệp Việt Nam với các luật môi trường, thương mại, cạnh tranh, pháp lệnh phòng chống trợ cấp.

- Mối quan hệ giữa Luật trợ cấp nông nghiệp với các quy định chuyên ngành nông nghiệp như các quy định về khuyến nông, an ninh lương thực, tín dụng trong nông nghiệp, chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn.

### **3.4.3. Đề xuất dự thảo Luật trợ cấp nông nghiệp Việt Nam**

Dự kiến Luật trợ cấp nông nghiệp Việt Nam gồm 9 chương 32 điều, cụ thể như sau:

#### **Chương 1: Những quy định chung**

Chương 1 tập trung vào Phạm vi điều chỉnh, quy định cụ thể các vấn đề liên quan đến trợ cấp và hỗ trợ nông nghiệp với mục đích hỗ trợ sản xuất, bảo quản và lưu thông các sản phẩm nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản. Luận án đề xuất đối tượng điều chỉnh của Luật bao gồm: Cơ quan nhà nước quản lý chuyên ngành như: các Bộ, Ngành liên quan, Ủy ban nhân dân các cấp, người sản xuất liên quan đến nông nghiệp, nông dân thực hiện các hoạt động sản xuất, hộ gia đình sản xuất nông nghiệp, chủ trang trại, hợp tác xã, các doanh nghiệp vừa và nhỏ hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp.

Trên cơ sở đó, Chương 1 dự kiến gồm 3 điều, gồm:

Điều 1: Phạm vi điều chỉnh

Điều 2: Đối tượng áp dụng

Điều 3: Giải thích từ ngữ

#### **Chương 2: Nguồn cho các hoạt động trợ cấp**

Việc quan trọng nhất trong chính sách trợ cấp là xác định được nguồn trợ cấp. Theo nghiên cứu của tác giả, trợ cấp chủ yếu được lấy từ nguồn ngân sách nhà nước, đóng góp từ thuế, phí hoặc các doanh nghiệp kinh doanh bảo hiểm. Chương 2 đề xuất gồm những vấn đề như hình thành quỹ hỗ trợ nông nghiệp, theo đó quỹ này được thành lập trực thuộc quản lý của Chính phủ (giao cho các Bộ Tài chính, Nông nghiệp quản lý). Ngân sách được cấp trực tiếp từ Ngân sách trung ương (hoặc địa phương), kết hợp với Bảo hiểm quốc gia về nông nghiệp. Trên cơ sở đó, Quỹ hỗ trợ nông nghiệp chịu trách nhiệm cấp vốn cho các hoạt động trợ cấp thường xuyên. Luật dự thảo cần chỉ rõ Ngân sách nhà nước chịu trách nhiệm cấp vốn cho Quỹ hỗ trợ nông nghiệp đối với các hoạt động liên quan đến các khoản hỗ trợ thường xuyên. Bên cạnh đó, hình thành Bảo hiểm quốc gia về nông nghiệp. Bảo hiểm quốc gia về nông nghiệp chịu trách nhiệm các cơ chế, chính sách, nguồn thu, chi và các hoạt động liên quan đến bảo hiểm nông nghiệp. Một cơ quan đứng ra chịu trách nhiệm về các hoạt động của Bảo hiểm quốc gia về nông nghiệp được đề xuất là Bộ Tài chính. Cơ quan này đề xuất hoạt động theo đơn vị sự nghiệp có thu, thực hiện các hoạt động liên quan đến bảo hiểm nông nghiệp trên phạm vi cả nước. Bảo hiểm quốc gia về nông nghiệp thực hiện các hoạt động trợ cấp khẩn cấp và đặc biệt..

Như vậy, Chương 2 của Luật đề xuất 4 điều gồm:

Điều 4: Quỹ hỗ trợ nông nghiệp

Điều 5: Nguồn ngân sách nhà nước

Điều 6: Bảo hiểm quốc gia về nông nghiệp

Điều 7: Cơ chế phối hợp giữa Quỹ hỗ trợ nông nghiệp và bảo hiểm quốc gia về nông nghiệp

#### **Chương 3: Xây dựng và áp dụng chính sách trợ cấp nông nghiệp**

Mục đích của chương này là hướng dẫn các cơ quan chức năng xây dựng các chính sách trợ cấp nông nghiệp, đưa ra các nguyên tắc chung về xây dựng chính sách nông nghiệp, theo đó các Bộ ngành, Ủy ban nhân dân các Tỉnh, Thành phố trực thuộc trung ương và các cơ quan liên quan có nhiệm vụ xây dựng các chính sách, chương trình về hỗ trợ nông nghiệp theo chức năng, nhiệm vụ của mình. Việc xây dựng và áp dụng các

chương trình, chính sách này được thực hiện cùng với quá trình xây dựng kế hoạch ngân sách hàng năm theo các quy định của Luật Ngân sách nhà nước 2002 và các quy định pháp luật liên quan. Việc xây dựng chính sách nông nghiệp phải có sự tham gia và thẩm định của các Bộ, ngành.

Về hệ thống chính sách trợ cấp nông nghiệp Các quy định về trợ cấp nông nghiệp cần được xây dựng và áp dụng thống nhất từ trung ương đến địa phương theo nguyên tắc các bộ ngành quản lý chính sách chung, các địa phương ban hành các chính sách cụ thể áp dụng cho điều kiện kinh tế xã hội của địa bàn tỉnh quản lý. Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chịu trách nhiệm tổng kết hàng năm các chính sách trợ cấp tại địa phương và báo cáo về Bộ Nông nghiệp và PTNT để tổng hợp, đồng thời gửi báo cáo cho các bộ Tài chính, Kế hoạch đầu tư để theo dõi.

Một số nội dung chính sách trợ cấp nông nghiệp cần cân nhắc điều chỉnh như: Trợ cấp và hỗ trợ thường xuyên, hỗ trợ khẩn cấp, trợ cấp đặc biệt. Theo đó, chính sách nông nghiệp được xây dựng dựa trên các nội dung như hỗ trợ thường xuyên, hỗ trợ khẩn cấp, trợ cấp đặc biệt, trợ cấp xuất khẩu.

Chính sách hỗ trợ nông nghiệp xây dựng phải phù hợp với các cam kết của Việt Nam tại Hiệp định Nông nghiệp trong Tổ chức thương mại thế giới (WTO). Các chính sách này cũng phải phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của đất nước trong từng thời kỳ.

Trong trường hợp có mâu thuẫn, hoặc không thống nhất trong việc xác định chính sách trợ cấp nông nghiệp tại địa phương với các cam kết của Việt Nam, cơ quan xây dựng chính sách phải báo cáo về Bộ Nông nghiệp và PTNT xem xét và xử lý theo thẩm quyền.

Như vậy Chương 3 dự kiến có 4 điều cụ thể như sau:

Điều 8: Nguyên tắc xây dựng chính sách trợ cấp nông nghiệp

Điều 9: Hệ thống chính sách nông nghiệp

Điều 10: Nội dung chính sách nông nghiệp

Điều 11: Yêu cầu đối với trợ cấp nông nghiệp

#### **Chương 4: Thủ tục đề xuất hỗ trợ khẩn cấp, trợ cấp đặc biệt**

Mục đích của chương này nhằm xác định các cơ quan lập, thẩm định báo cáo đề xuất hỗ trợ trong các trường hợp khẩn cấp và các trường hợp đặc biệt đây là cơ sở để các cơ quan chức năng xem xét và quyết định các trường hợp trợ cấp và mức trợ cấp.

Chương này sẽ điều chỉnh các vấn đề như:

Đối tượng lập báo cáo đề xuất, dự kiến gồm: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao cho cơ quan chuyên trách lập báo cáo đề xuất hỗ trợ khi các trường hợp khẩn cấp xảy ra; Hiệp hội ngành hàng chịu trách nhiệm lập báo cáo đề xuất hỗ trợ khi các trường hợp đặc biệt xảy ra; Các trường hợp khác theo quy định của Chính phủ.

Nội dung báo cáo đề xuất hỗ trợ, gồm các nội dung cơ bản như: Thực trạng sản xuất, kinh doanh trước khi có các trường hợp khẩn cấp, đặc biệt xảy ra; Nguyên nhân, tác động và thiệt hại của các trường hợp khẩn cấp và đặc biệt tới sản xuất, thương mại trong nông nghiệp khu vực bị ảnh hưởng; Giải pháp khắc phục và tổng số tiền trợ cấp cần sử dụng để khắc phục; Đối tượng được hưởng trợ cấp nông nghiệp; Phương pháp thực hiện trợ cấp....

Việc thẩm định báo cáo gồm các vấn đề như: Xác định các trường hợp khẩn cấp, trường hợp đặc biệt; Xác định mức thiệt hại thực tế; Xác định đối tượng bị thiệt hại; Xác định mức hỗ trợ phù hợp...

Như vậy nội dung của chương 4 gồm 4 điều, gồm:

Điều 12: Đối tượng lập báo cáo đề xuất, hỗ trợ

Điều 13: Nội dung báo cáo đề xuất, hỗ trợ

Điều 14: Thẩm định báo cáo đề xuất hỗ trợ

Điều 15: Xử lý báo cáo trợ cấp khẩn cấp, đặc biệt.

#### **Chương 5: Các quy định về bảo hiểm nông nghiệp**

Bảo hiểm nông nghiệp là chủ trương lớn của Đảng và Nhà nước nhằm hỗ trợ cho nông dân và các đối tượng liên quan các thiệt hại có thể gánh chịu do các rủi ro về thị trường, thiên tai mang lại. Nhà nước khuyến



khích mọi đối tượng tham gia quá trình sản xuất, chế biến và tiêu thụ các sản phẩm nông nghiệp tham gia vào bảo hiểm nông nghiệp.

Nội dung cam kết tham gia bảo hiểm nông nghiệp như: Bảo hiểm quốc gia về nông nghiệp có trách nhiệm phối hợp với các Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân cấp Tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương xây dựng nội dung về cam kết thực hiện bảo hiểm nông nghiệp và thông báo đến các đối tượng liên quan để đăng ký tại địa phương. Đây là vấn đề lớn nên không đưa các nội dung cụ thể vào Luật này, theo đó có thông tư hướng dẫn cụ thể đối với các lĩnh vực liên quan.

Chương 5 gồm các điều liên quan:

Điều 16: Tham gia bảo hiểm nông nghiệp

Điều 17: Đối tượng phải cam kết tham gia bảo hiểm nông nghiệp

Điều 18: Nội dung cam kết tham gia bảo hiểm

Điều 19: Thời hạn đăng ký cam kết

## **Chương 6: Một số chính sách trợ cấp sản phẩm cụ thể**

Chương này sẽ đề xuất các sản phẩm cụ thể cho việc trợ cấp, việc liệt kê các sản phẩm cụ thể nhằm xác định rõ chiến lược phát triển của các sản phẩm này nhằm tăng khả năng cạnh tranh của sản phẩm, khuyến khích sản xuất các loại sản phẩm này, hướng tới đáp ứng nhu cầu trong nước, thay thế nhập khẩu và hướng ra xuất khẩu.

Qua đó, chính sách trợ cấp và hỗ trợ hướng đến các tổ chức cá nhân trồng lúa, ngô, đậu tương là các sản phẩm lương thực có kim ngạch xuất khẩu cao như gạo (hỗ trợ sản xuất gạo nhằm tăng khả năng cạnh tranh về chất lượng), ngô và đậu tương là các sản phẩm thay thế nhập khẩu, với các nội dung như: bảo đảm an ninh lương thực quốc gia, phát triển và ổn định sản xuất Nhà nước khuyến khích mọi tổ chức, cá nhân tham gia vào các hoạt động sản xuất lương thực (lúa, ngô) với quy mô tập trung theo hướng sản xuất hàng hóa. Các tổ chức và cá nhân khi tiến hành các hoạt động sản xuất kinh doanh này sẽ được Nhà nước tạo điều kiện về đất đai, tín dụng, thuế và các chính sách hỗ trợ khác theo quy định của Chính phủ. Ngoài ra, phát triển lúa ngô thay thế các loại cây thuốc phiện sẽ được Nhà nước hỗ trợ 100% về vốn, giống phương tiện sản xuất, đất đai.

Trên cơ sở đó, Chương 6 gồm:

Điều 20: Hỗ trợ cho tổ chức, cá nhân trồng lúa, ngô, đậu tương

Điều 21: Trợ cấp cho người trồng mía

Điều 22: Trợ cấp cho ngành nghề muối

Điều 23. Trợ cấp cho các sản phẩm khác

## **Chương 7: Cơ chế thông báo chính sách trợ cấp nông nghiệp**

Mục đích của chương này đưa ra cơ chế thông báo của Việt Nam đối với WTO, trách nhiệm của Quỹ trợ cấp nông nghiệp, Bảo hiểm quốc gia về nông nghiệp cũng như xác định rõ vai trò của Ủy ban quốc gia về Hợp tác kinh tế, quốc tế trong lĩnh vực tổng hợp báo cáo trợ cấp. Theo đó: Chính phủ sẽ phải thông báo cho ban thư ký WTO trong nông nghiệp các chính sách hỗ trợ nông nghiệp trong năm. Quỹ trợ cấp nông nghiệp, chủ trì phối hợp với Bảo hiểm quốc gia về nông nghiệp tổng hợp số liệu trợ cấp, các chương trình trợ cấp báo cáo Bộ Nông nghiệp và PTNT, Ủy ban quốc gia về hội nhập kinh tế quốc tế có trách nhiệm thông báo các chính sách này theo quy định của WTO. Ủy ban quốc gia về Hợp tác kinh tế quốc tế tổng hợp báo cáo trực tiếp các chính sách trợ cấp của Việt Nam với Ban thư ký WTO.

Trách nhiệm của các tổ chức nhận hỗ trợ: Hàng năm, các tổ chức tiếp nhận trợ cấp báo cáo tiến độ thực hiện các khoản trợ cấp do đơn vị mình thực hiện và gửi về cơ quan có thẩm quyền tổng hợp.

Như vậy dự kiến Chương 7 gồm 02 điều:

Điều 24: Thông báo về trợ cấp của các cơ quan có thẩm quyền

Điều 25: Báo cáo của các đơn vị được hỗ trợ kinh phí

## **Chương 8: Quản lý nhà nước về các hoạt động trợ cấp**

Mục đích của chương này nhằm kiểm soát các hoạt động xây dựng chính sách pháp luật trợ cấp nông nghiệp, các nội dung liên quan đến Ban hành và tổ chức thực hiện các văn bản về quy phạm pháp luật về trợ cấp nông nghiệp.

Hướng dẫn, hỗ trợ các cơ quan, tổ chức tiếp nhận trợ cấp thực hiện các quy tắc, chính sách về trợ cấp nông nghiệp, giải quyết những vướng mắc về thủ tục tiếp nhận trợ cấp nông nghiệp, ban hành và tổ chức thực hiện các văn bản về quy phạm pháp luật về trợ cấp nông nghiệp, hướng dẫn, hỗ trợ các cơ quan, tổ chức tiếp nhận trợ cấp thực hiện các quy tắc, chính sách về trợ cấp nông nghiệp, giải quyết những vướng mắc về thủ tục tiếp nhận trợ cấp nông nghiệp.

Đối với các vấn đề liên quan đến theo dõi và đánh giá các hoạt động trợ cấp: Cơ quan quản lý về nông nghiệp các cấp tổ chức việc theo dõi đánh giá và báo cáo hoạt động xây dựng chính trợ cấp nông nghiệp theo các quy định của pháp luật. Nội dung theo dõi, đánh giá các quy định, chính sách về trợ cấp bao gồm việc ban hành văn bản hướng dẫn pháp luật về trợ cấp nông nghiệp theo thẩm quyền và tình hình thực hiện các hoạt động trợ cấp theo quy định pháp luật. Tình hình thực hiện các dự án, chính sách liên quan đến trợ cấp nông nghiệp theo quy định của Luật này. Kết quả thực hiện trợ cấp về nông nghiệp trên cả nước, kiến nghị các biện pháp xử lý những vướng mắc và vi phạm trong quá trình thực hiện các chính sách trợ cấp.

Dự kiến chương 8 gồm

Điều 26: Nội dung quản lý Nhà nước về trợ cấp

Điều 27: Trách nhiệm quản lý Nhà nước về trợ cấp nông nghiệp

Điều 28: Theo dõi, đánh giá hoạt động trợ cấp

Ngoài ra dự thảo luật cần có các mục liên quan đến khiếu nại, tố cáo, khởi kiện và xử lý vi phạm với các vấn đề liên quan đến các vấn đề trợ cấp nông nghiệp tại Chương 9.

## KẾT LUẬN

Nền nông nghiệp Việt Nam đang từng bước hội nhập với nền kinh tế khu vực và thế giới. Một trong những nhiệm vụ chính của ngành đề ra là xây dựng được các chính sách pháp luật phù hợp với các quy định của WTO và hiện trạng kinh tế xã hội của Việt Nam, theo sau là nâng cao khả năng nội lực của ngành, đảm bảo khả năng cung cấp đầy đủ lương thực, thực phẩm trong nước cũng như khả năng thâm nhập thị trường ngoài nước.

Luận án "Xây dựng pháp luật trợ cấp nông nghiệp Việt Nam theo các quy định của Tổ chức thương mại thế giới (WTO)" đã cơ bản giải quyết một số vấn đề cốt lõi như các quy tắc cơ bản của WTO, phân tích chi tiết các quy định của các Hiệp định liên quan đến việc xây dựng chính sách pháp luật nông nghiệp, hiện trạng xây dựng và thực thi chính sách pháp luật về trợ cấp tại một số nước trên thế giới cũng như thực trạng áp dụng các quy định về trợ cấp và hỗ trợ nông nghiệp trong pháp luật Việt Nam, qua đó đề xuất xây dựng Luật Trợ cấp nông nghiệp Việt Nam.

Các quy định của luật này được xây dựng dựa trên các quy định hiện hành của WTO và các quy định pháp luật hiện hành của Việt Nam về trợ cấp và hỗ trợ nông nghiệp với mục đích xây dựng một cơ chế chính sách pháp luật thống nhất từ trung ương đến địa phương, hướng dẫn các cơ quan liên quan thực hiện đúng với các cam kết về nông nghiệp của Việt Nam. Trên thực tế, việc nghiên cứu các quy định của Hiệp định nông nghiệp nói riêng, các quy định về trợ cấp và hỗ trợ nông nghiệp trong WTO nói chung đã được các nhà làm luật và chính sách nông nghiệp Việt Nam vận dụng tương đối linh hoạt, nhưng vẫn chưa có một định hướng cụ thể trong việc xây dựng các chính sách pháp luật về trợ cấp trên phạm vi toàn quốc.

Nông nghiệp Việt Nam muốn hội nhập được với thế giới cần phải có những bước đi thích ứng, phù hợp trong lĩnh vực pháp luật, chính sách nông nghiệp. Hi vọng rằng, với những phân tích chính sách luật pháp và đề xuất xây dựng Luật trợ cấp nông nghiệp trên đây, luận án sẽ là một cơ sở quan trọng cho các nhà hoạch định và xây dựng chính sách nghiên cứu và áp dụng các kết quả trong thực tiễn nhằm đưa chính sách pháp luật trợ cấp nông nghiệp Việt Nam nói riêng, chính sách nông nghiệp nói chung hội nhập chủ động và tích cực với nền nông nghiệp tiên tiến trên thế giới.